

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11-7-2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiến Dũng;

2. Ông Nguyễn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Mai Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1095/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1205/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn HA, xã MC, huyện PM, tỉnh BD.

2. Bị đơn: Anh Trần Đăng D, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKH thường trú: Thôn CA, xã MC, huyện PM, tỉnh BD;

Chỗ ở hiện nay: Thôn CT, xã MC, huyện PM, tỉnh BD;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Đăng D kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện PM, tỉnh BD vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau, quan tâm lẫn nhau từ giữa năm 2017 cho đến nay. Chị Trần Thị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Đăng D.

+ Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Đăng P, sinh ngày 26/01/2012 và Trần Phúc H1, sinh ngày 14/12/2014. Nếu ly hôn chị Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng cả 02 người con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản tự khai lập ngày 26/4/2022 bị đơn anh Trần Đăng D trình bày:

+ Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh Trần Đăng D thống nhất như lời trình bày của chị Trần Thị H.

Anh Trần Đăng D nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn của vợ chồng còn có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân còn đạt được, nên yêu cầu được đoàn tụ.

+ Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Đăng P, sinh ngày 26/01/2012 và Trần Phúc H, sinh ngày 14/12/2014. Nếu ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, quản lý, nuôi dưỡng cả 02 người con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung: Không có, nên ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa chị H giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên; anh D vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Đăng D.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu Trần Đăng P, sinh ngày 26/01/2012 và Trần Phúc H1, sinh ngày 14/12/2014 cho chị Trần Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H không yêu cầu nên không xét.

+ Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Đăng D xác định thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

+ Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn anh Trần Đăng Dũng được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Dũng.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Ly hôn” và người bị kiện cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Đăng D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MCh, huyện PM, tỉnh BD vào ngày 14 tháng 11 năm 2011. Lời khai của chị H và anh D phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số: 114/2011, quyển số 02/2011 của Ủy ban nhân dân xã MC, huyện PM, tỉnh BD cấp cho Trần Đăng D và Trần Thị H

vào ngày 14/11/2011 (bản chính). Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị H và anh D đều cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc với nhau từ giữa năm 2017 cho đến nay.

Chị H nhận thấy tình tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh D. Anh D cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn có khả năng hàn gắn, nên yêu cầu được đoàn tụ.

Anh D yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đến Toà án để hoà giải và cũng không tìm cách để khắc phục mâu thuẫn mà bỏ mặt hậu quả hôn nhân của vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi anh D cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Đăng D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Đăng D trình bày thống nhất vợ chồng có 02 người con chung là Trần Đăng P, sinh ngày 26/01/2012 và Trần Phúc H1, sinh ngày 14/12/2014. Lời trình bày của chị H và anh D phù hợp với Giấy khai sinh số: 61/2012, quyển số 01/2011 ngày 16/3/2012 của UBND xã MC, huyện PM, tỉnh BD cấp cho Trần Đăng P, sinh ngày 26/01/2012 (bản sao); Giấy khai sinh số: 04/2015, quyển số 01/2015 ngày 22/01/2015 của UBND xã MC, huyện PM, tỉnh BD cấp cho Trần Phúc H1, sinh ngày 14/12/2014 (bản chứng thực). Hiện nay, các cháu P, H1 đang sống với chị H.

Khi ly hôn chị H và anh D đều yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, quản lý 02 người con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H và anh D đều chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu P và cháu H1 muốn được sống với chị H. Các cháu P và H1 sống với chị H từ năm 2017 đến nay. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con nên giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý 02 người con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của

chị H. Khi cần thiết chị H, anh D có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Đăng D đều xác định thống nhất không có và không yêu cầu toà án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội. Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên hoàn toàn phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Đăng D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đăng P, sinh ngày 26/01/2012 và cháu Trần Phúc H1, sinh ngày 14/12/2014 cho chị Trần Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý. Anh Trần Đăng D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Khi cần thiết chị H, anh D có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Đăng D xác định thống nhất không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA-2021/0008565 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đăng D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Chánh;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng